

Số: /SNNPTNT-KHTC

Quảng Ngãi, ngày tháng 02 năm 2024

V/v phân công nhiệm vụ liên quan  
đến thực hiện chính sách chi trả  
DVMTR trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Các đơn vị: Chi cục Kiểm lâm, Ban Quản lý  
rừng phòng hộ tỉnh, Quỹ Bảo vệ và Phát triển  
rừng tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy  
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng  
Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện  
Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn  
2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát  
triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Báo cáo số 17/BC-  
QBVPTTR ngày 24/01/2024 về kết quả lấy ý kiến nội dung điều chỉnh mức chi trả,  
mức điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường  
rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và một số nội dung khác.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến sau:

1. Nội dung xây dựng Mô hình thử nghiệm trồng rừng phòng hộ hỗn giao  
nhiều loài cây bản địa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

- Chi cục Kiểm lâm tỉnh theo dõi kết quả chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh  
theo nội dung tại Báo cáo số 420/BC-SNNPTNT ngày 31/01/2024 của Sở Nông  
nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện Mô hình thử nghiệm trồng  
rừng phòng hộ hỗn giao nhiều loài cây bản địa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm  
bảo đúng tiến độ.

2. Đề xuất nội dung sử dụng tiền thu từ bên sử dụng DVMTR nhưng không  
xác định hoặc chưa xác định đối tượng nhận tiền DVMTR:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chủ trì, phối hợp cùng Chi cục Kiểm  
lâm tỉnh và BQL rừng phòng hộ tỉnh rà soát, thống nhất nội dung sử dụng tiền, trình  
Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thời gian hoàn thành trước ngày 28/3/2024.

3. Những nội dung điều tiết tiền DVMTR cho các lưu vực thủy điện:

3.1. Tham mưu bãi bỏ Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi:

- Giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh mức chi trả, mức điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/6/2024.

3.2. Tính toán mức điều tiết tiền DVMTR hàng năm:

3.2.1. Cơ sở pháp lý:

- Theo các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; chủ rừng là các doanh nghiệp; chủ rừng là tổ chức không bao gồm điểm b khoản 3 Điều này không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích; chủ rừng là tổ chức được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- Theo Điều 17, Điều 18 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng; điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 4, Điều 13 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính quy định mức hỗ trợ và chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu.

Căn cứ quy định nêu trên, việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng phải công bằng, minh bạch, khách quan, không phân biệt chủ rừng là tổ chức hay chủ rừng là doanh nghiệp, mà thực hiện công bằng là "chi trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng". Do đó, từ năm 2024 trở đi, việc tính toán mức điều tiết tiền DVMTR hàng năm của các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục II Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

3.2.2. Phương pháp tính toán mức chi trả cho các chủ rừng:

a) Chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh:

a<sub>1</sub>) Trường hợp thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư:

- Đối với diện tích rừng nằm trong lưu vực có mức chi trả cao hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng thì áp dụng mức chi trả đối với một hay nhiều lưu vực thủy điện là 856.000 đồng/ha/năm (trong đó: 800.000 đồng/ha/năm chi trả tiền công cho bên nhận khoán bảo vệ rừng; 56.000 đồng/ha/năm chi phí quản lý của chủ rừng).

- Đối với diện tích rừng nằm trong lưu vực có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng thấp hơn mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp xã, thực hiện điều tiết như sau:

+ Mức chi trả tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định là 428.000 đồng/ha/năm (trong đó: 400.000 đồng/ha/năm chi trả tiền công cho bên nhận khoán bảo vệ rừng; 28.000 đồng/ha/năm chi phí quản lý của chủ rừng).

+ Mức chi trả tại các xã còn lại (xã ngoài khu vực II, III) là 321.000 đồng/ha/năm (trong đó: 300.000 đồng/ha/năm chi trả tiền công cho bên nhận khoán bảo vệ rừng; 21.000 đồng/ha/năm chi phí quản lý của chủ rừng).

a<sub>2</sub>) Trường hợp tự quản lý bảo vệ:

- Đối với diện tích rừng nằm trong lưu vực có mức chi trả cao hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng thì áp dụng mức chi trả đối với một hay nhiều lưu vực thủy điện là 800.000 đồng/ha/năm

- Đối với diện tích rừng nằm trong lưu vực có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng thấp hơn mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp xã, thực hiện điều tiết như sau:

+ Mức chi trả tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định là 400.000 đồng/ha/năm.

+ Mức chi trả tại các xã còn lại (xã ngoài khu vực II, III) là 300.000 đồng/ha/năm.

b) Chủ rừng là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp:

Thực hiện điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng đối với diện tích rừng của các Công ty Lâm nghiệp (diện tích rừng tự nhiên) được chi trả mức 300.000 đồng/ha/năm.

c) Chủ rừng là hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư:

Đối với diện tích rừng nằm trong lưu vực có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng thấp hơn mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp xã, thực hiện điều tiết như sau:

+ Mức chi trả tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định là 400.000 đồng/ha/năm.

+ Mức chi trả tại các xã còn lại (xã ngoài khu vực II, III) là 300.000 đồng/ha/năm.

Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Phòng KH-TC Sở;
- Lưu: VT, KH-TC<sub>Thủy</sub>.

**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Trọng Phương**

